Họ và tên: ……

Lớp: ……

ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ 1 – ĐỀ SỐ 13

Môn: Toán – Lớp 5

Thời giam làm bài: 40 phút

Câu 1. Đúng ghi **Đ**, sai ghi **S**.

a) $14\frac{5}{10}=14,5$ ☐

b) $14\frac{5}{10}=14,05$ ☐

c) $37\frac{7}{100}=37,7$ ☐

d) $37\frac{7}{100}=37,07$ ☐

e) $5\frac{128}{1000}=51,28$ ☐

g) $5\frac{128}{1000}=5,128$ ☐

Câu 2. Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng:

a) Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

12 tạ 7 kg = ... kg

A. 12007 B. 1207 C. 127

b) Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

14156m = ... km

A. 1,4156 B. 14,156 C.1415,6

Câu 3. Nối ba số có độ dài bằng nhau:

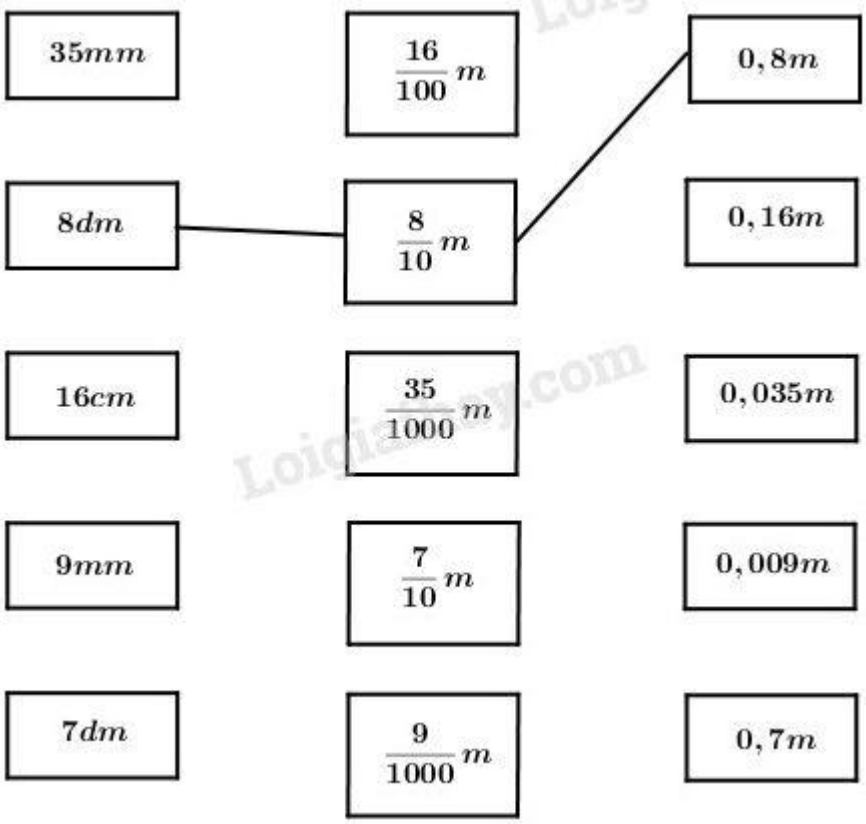

Câu 4. Đúng ghi **Đ**, sai ghi **S**.

a) 4,8m = 48cm ☐

b) 4,8m = 48dm ☐

c) 2,1 tấn = 2100kg ☐

d) 2,1 tấn = 210 kg ☐

Câu 5. Viết các phân số sau dưới dạng phân số thập phân và số thập phân (theo mẫu):

a) $\frac{3}{5} = \frac{6}{10} = 0,6$

b) $\frac{12}{5} = ... = ...$

c) $\frac{3}{4} = ... = ...$

d) $\frac{5}{8} = ... = ...$

Câu 6. Một khu đất có diện tích là 2ha. $\frac{4}{10}$ diện tích khu đất trồng cây ăn quả. $\frac{5}{10}$ diện tích đào ao thả cá. Hỏi còn lại bao nhiêu héc-ta để trồng rau?

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 7. Một xe tải chở 2tạ 50kg lương thực gồm $\frac{7}{10}$ tạ gạo nếp; $\frac{4}{5}$ tạ gạo tẻ, còn lại là ngô. Hỏi xe đó chở bao nhiêu tạ ngô?

.....

.....

.....

.....

.....

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

Câu 1.

Phương pháp:

$14\frac{5}{10}=14,5$. Các câu khác làm tương tự.

Cách giải:

+) $14\frac{5}{10}=14,5$

+) $37\frac{7}{100}=37,07$

+) $5\frac{128}{1000}=5,128$

Ta có kết quả như sau:

a) Đ; b) S; c) S;

d) Đ; e) S; g) Đ.

Câu 2.

Phương pháp:

a) Dựa vào cách đổi: 1 tạ =100kg

b) Dựa vào cách đổi: 1km = 1000m hay 1m = $\frac{1}{1000}$ km

Cách giải:

a) Ta có 1 tạ = 100 kg nên 12 tạ = 1200kg

Do đó: 12 tạ 7kg = 1207 kg

Chọn B.

b) 14156 m = $\frac{14156}{1000}$ km= 14,156 km

Chọn B.

Câu 3.

Phương pháp:

- Dựa vào cách chuyển đổi các đơn vị đo độ dài:

$1dm=\frac{1}{10}m$ $1cm=\frac{1}{100}m$ $1mm=\frac{1}{1000}m$

Cách giải:

Ta có:

$35mm=\frac{35}{1000}m=0,035m$;

$8dm = \frac{8}{10}m = 0,8m$

$16cm = \frac{16}{100}m = 0,16m$

$9mm = \frac{9}{1000}m = 0,009m$

$7dm = \frac{7}{10}m = 0,7m$

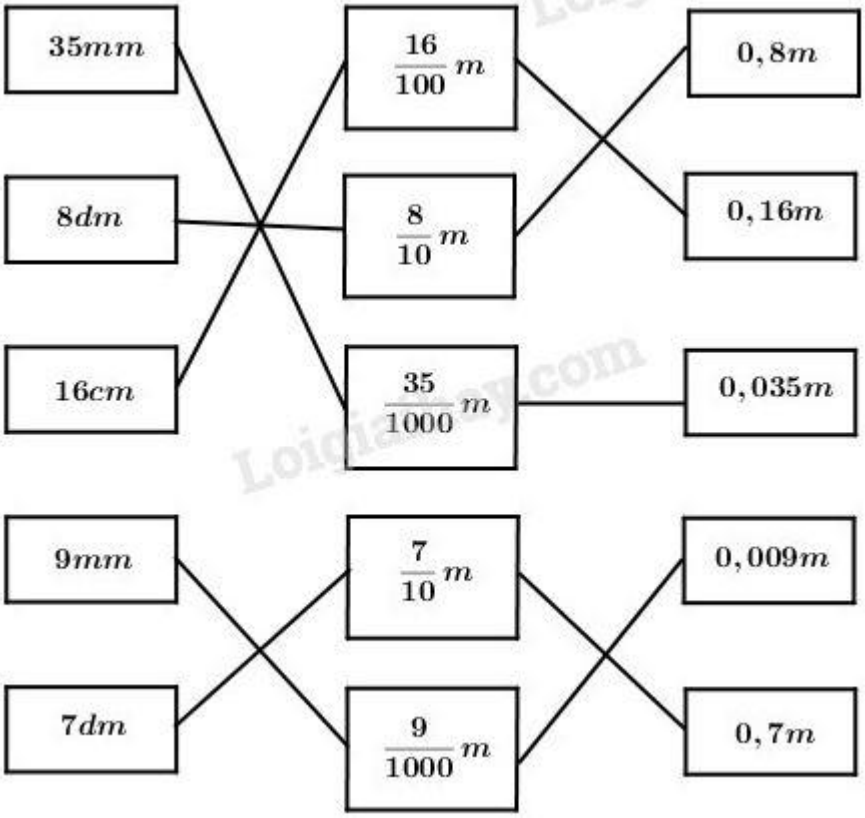

Câu 4.

Phương pháp:

Dựa vào cách chuyển đổi các đơn vị đo:

$1dm = \frac{1}{10}m$ $\qquad$ $1kg = \frac{1}{1000}$ tấn

Cách giải:

+) 4,8 m = $4\frac{8}{10}$ m = 4m 8dm = 48 dm

+) 2,1 tấn = 2100 kg

Ta có kết quả như sau: a) S; b) Đ; c) Đ; d) S.

Câu 5.

Phương pháp:

- Nhân cả tử số và mẫu số của phân số với một số tự nhiên thích hợp để được phân số có mẫu số là 10, 100, 1000, …

- Áp dụng cách chuyển đổi: $\frac{1}{10} = 0,1$; $\frac{1}{100} = 0,01$; …

Cách giải:

a) $\frac{3}{5} = \frac{6}{10} = 0,6$ b) $\frac{12}{5} = \frac{24}{10} = 2,4$

c) $\frac{3}{4} = \frac{75}{100} = 0,75$ d) $\frac{5}{8} = \frac{625}{1000} = 0,625$

Câu 6.

Phương pháp:

- Tính diện tích trồng cây ăn quả = diện tích khu đất x $\frac{4}{10}$

- Tính diện tích đào ao thả cá = diện tích khu đất x $\frac{5}{10}$

- Tính diện tích trồng rau = diện tích khu đất – (diện tích trồng cây ăn quả + diện tích đào ao thả cá)

Cách giải:

Diện tích khu đất trồng cây ăn quả là:

$2 \times \frac{4}{10} = \frac{8}{10}$ (ha)

Diện tích khu đất đào ao thả cá là:

$2 \times \frac{5}{10} = 1$ (ha)

Diện tích còn lại để trồng rau là:

$2 - (\frac{8}{10} + 10) = \frac{2}{10}$ ha = 0,2 ha

Đáp số: 0,2ha

Câu 7.

Phương pháp:

- Viết 2 tạ 50kg thành số đo có đơn vị là tạ.

- Tìm tổng khối lượng gạo nếp và gạo tẻ xe chở được.

- Khối lượng ngô = tổng khối lượng gạo nếp, gạo tẻ xe chở được - tổng khối lượng gạo nếp và gạo tẻ.

Cách giải:

Đổi: 2 tạ 50 kg = $2\frac{50}{100}$ tạ = $\frac{250}{100}$ tạ = $\frac{25}{10}$ tạ

Xe chở khối lượng gạo nếp và gạo tẻ là:

$$\frac{7}{10}+\frac{4}{5}=\frac{15}{10}\text{ (tạ)}$$

Khối lượng ngô mà xe tải chở là:

$$\frac{25}{10}-\frac{15}{10}=1\text{ (tạ)}$$

Đáp số: 1 tạ.